

SỐ 401

## KINH ĐỒNG TỬ VÔ NGÔN

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ,  
người nước Nguyệt Chi.*

### QUYỂN THƯỢNG

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành La-duyệt-kỳ cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi người và vô số Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, ở trong thành, đệ nhất phu nhân của tướng quân Sư Tử mang thai sinh ra một người con trai có nhiều phước đức độ. Vị trời trên hư không khởi âm thanh lớn bảo:

–Này đồng tử! Ông phải gìn giữ đạo giáo, tư duy về kinh điển, cẩn thận chớ nên bàn luận việc thế gian, hiểu rõ pháp của phương tiện độ thế; ít nói, bỏ việc phong tục, phải về với chánh nghĩa, chẳng chọn lấy mỹ từ mà trau chuốt lời nói.

Đồng tử từ xa nghe lời dạy như vậy, nhưng chưa từng nói năng và kêu khóc gì cả. Ban đầu chẳng tự hiện tướng trẻ con, cho đến bảy ngày, mặt mày vui vẻ không chút ưu phiền, mọi người đến nhìn xem không chán. Hoặc có người nói:

–Đứa trẻ này không tiếng, nuôi dưỡng làm gì!

Cha mẹ đáp:

–Phải trái tùy theo đời trước, chúng tôi sẽ nuôi đứa trẻ đó. Vì sao? Vì nay xem ra đứa trẻ này dung mạo đoan nghiêm khác lạ khó lường, chẳng phải là kẻ tầm thường có thể bì kịp, chân thật chẳng hư dối.

Cha mẹ, thân thuộc, bạn bè thấy đứa trẻ không tiếng, nhân đấy cùng đặt tên là Vô Ngôn.

Thế rồi, Đồng tử Vô Ngôn dần dần lớn lên, đến năm tám tuổi, mọi người khắp bốn phương đến thăm, xem đều không nhầm chán. Về phương diện ấy, hoặc có pháp hội phân biệt pháp nghĩa thì Đồng tử liền đi đến chỗ ấy hỏi han, thính thọ lời pháp, tịch nhiên lặng nghĩ, không nói điều gì. Vào một ngày khác, Đồng tử ấy cùng với cha mẹ, năm hàng thân thuộc, bằng hữu, tri thức đi tới núi Kỳ-xà-quật đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân, nhiễu quanh bên phải ba vòng, ở trước Đức Thế Tôn vòng tay đứng yên. Họ nhìn thấy vô số những Bồ-tát nơi mười phương thế giới tụ hội có đến hàng ức trăm ngàn triệu vị, từng vị từng vị đều an tọa trên tòa nghiêm tịnh, nên tâm rất vui vẻ, ý thiện phát sinh.

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

–Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Đây là Đồng tử Vô Ngôn, con của tướng quân Sư Tử, đoan nghiêm đẹp đẽ, uy quang khó lường như thế, lia mọi nói năng mà cũng không chỗ nói. Người ấy đời trước do có lỗi lầm gì mà sinh ra không có tiếng, lại chẳng thể nói?

Đức Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Dừng lại, dừng lại! Hiền giả không được khinh mạn Đồng tử Vô Ngôn. Vì sao? Vì người này chính là Bồ-tát. Đại Sĩ, ở đời Phật quá khứ đã từng gieo trồng mọi gốc đức, cúng dường vô số chư Phật Chánh Giác, đánh lễ dưới chân Phật, được Bất thoái chuyển, sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh chân. Lúc mới sinh, vị trời ở trên hư không đã tuyên dương bằng âm thanh lớn: Này đồng tử! Ông phải gìn giữ đạo ý, suy nghĩ về kinh điển, chớ có đàm luận việc thế tục.

Vì thế cho nên, hôm nay Bồ-tát này đều tịch nhiên chẳng nói, thọ nhận giáo lý nhu thuận từ năm lên tám tuổi, một lòng lặng im không nói điều gì, dùng sự an nhiên ấy để phụng hành bốn Thiền.

Đức Thế Tôn lại bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Nơi đó chúng sinh, nếu có thể nhìn thấy Bồ-tát Vô Ngôn đều thuận theo đạo giáo là do sự vô ngôn ấy. Vì thế, hôm nay có pháp hội lớn, sẽ giảng nói kinh pháp, khai hóa dẫn dắt cho vô số chúng sinh chẳng thể tính kể.

Khi đó, Bồ-tát Vô Ngôn liền nhập Tam-muội Chánh thọ như hình tượng hiện rõ điềm lành, khiến cho các Thanh văn và chúng Bồ-tát, các hàng Trời, Rồng, Quỷ thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Già-lưu-la, Chiên-đà-la, Ma-hầu-lặc, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tất

cả chúng hội đều thấy nơi bàn tay phải hóa ra hoa sen lớn như bánh xe với bao nhiêu màu sắc tươi đẹp vi diệu, hương thơm khó lường, người nhìn thấy đều vui mừng. Trên các hoa sen đó đều có các vị hóa Bồ-tát tự nhiên ngồi kiết già, với ba mươi hai tướng trang nghiêm nơi thân. Bồ-tát Vô Ngôn hiện đại thân tức rồi, cúi lạy Đức Thế Tôn và một lần nữa tự quy mạng. Các vị Bồ-tát ngồi trên hoa sen kia cũng đều vòng tay, cúi thấp thân và ba lần tự quy y. Bồ-tát Vô Ngôn miệng vừa tuyên đọc bài đánh lễ quy mạng này thì tức thời thế giới của chư Phật nhiều như cát sông Hằng tự nhiên chấn động đủ sáu cách, tiếng lớn vang khắp. Chư thiên trong hư không ngợi khen như sấm động, mưa xuống mọi thứ hoa, đàn sáo nhạc khí chẳng tấu mà tự vang lên. Bồ-tát Vô Ngôn vâng theo thần lực của Đức Phật, nguyện lớn đã đạt liền bay vọt lên không trung, cách đất bốn trượng chín thước, chúng Đại Bồ-tát cũng lại như vậy. Đại sĩ Vô Ngôn ở trong hư không cùng với các vị Bồ-tát, khác miệng đồng âm, dùng kệ tán thán Đức Phật:

*Không hình mà hiện hình  
 Cũng chẳng trụ ở sắc  
 Muốn khai hóa chúng sinh  
 Hiện thân mà giáo hóa.  
 Phật là không sắc hợp  
 Cũng chẳng chấp hữu vi  
 Đều độ khắp tất cả  
 Nên Đạo sư hiện thân.  
 Thị hiện ba hai tướng  
 Và tám mươi vẻ đẹp  
 Để trang nghiêm thân hình  
 Vì chúng sinh giảng pháp.  
 Pháp tức là không tướng  
 Cũng không có âm hưởng  
 Vô thanh, chẳng thủ đắc  
 Vô niệm, tịch vi diệu.  
 Biết rõ pháp pháp Phật  
 Tại gốc cây Bồ-đề  
 Đạo ấy chẳng ngôn giáo  
 Ngôn từ không chỗ nói.  
 Pháp ấy - pháp vô hình  
 Cầu tướng chẳng thể được*

Dùng pháp vô tướng ấy  
Đâu có điều gì nói.  
Thương xót đến quần sinh  
Ởn lớn của chư Phật  
Phân biệt không chỗ đạt  
Lời nói không mất thời.  
Hiểu rõ không thủ đắc  
Rõ không - không chỗ đạt  
Như người nuôi lớn này  
Nghĩa Phật không danh tự.  
Ngôn giáo của hữu vi  
Chư Phật nhân đầy thuyết  
Số đó không sở hữu  
Vô vi, vô tự nhiên.  
Như hình sắc vô thường  
Đạo sư duyên kiến tướng  
Pháp này không sở hữu  
Kinh này vì chúng nói.  
Lúc mới lên tám tuổi  
Miệng chưa từng mở lời  
Tôi lúc mới sinh ra  
Chư Thiên lớn tiếng gọi.  
Do thâm nhập kinh điển  
Tai chẳng nghe tiếng ấy  
Giữ đạo nghiệp như vậy  
Miệng cũng không chỗ nói.  
Vô Ngôn dấu có dạy  
Từ ngữ không suốt thông  
Dùng lời nghĩa là nói  
Ánh sáng màu sạch trong.  
Niệm thệ nguyện Phật đạo  
Chí ở nơi Đại thừa  
Sẽ tuyên dương pháp quý  
Đắc Phật, Bạc Thế Tôn.  
Đạo tâm chẳng thể đạt

*Niệm vô tướng, vô ngôn  
Cho nên nói: Đạo không  
Giải thoát thành ánh sáng.*

Lúc ấy, đồng tử nói với chúng hội:

–Đạo cùng ngôn giáo bình đẳng không khác. Chẳng thể thấy, chẳng thể nắm giữ, điều có thể nói không thể nhìn thấy. Miệng nói về chí đạo, người chấp nơi đạo nên có chỗ cầu, xứ sở của nguyện ấy là không sở hữu, chẳng thể thủ đắc nơi chốn thì không chỗ trụ. Người trụ như vậy là chỗ đứng của đạo. Các Độ vô cực (Ba-la-mật) cũng lại như vậy và vô số các gốc đức khác. Nói về ngôn giáo cũng không chỗ thuyết mà chỉ là âm thanh không có ngôn từ. Lại nói về bố thí, đã thí, sẽ thí là ban cho có chỗ hưởng tới. Trụ ở đạo thì tất cả bình đẳng. Miệng nói thương xót, bố thí đạo giáo cũng là hành từ. Đạo ấy là tự nhiên, bình đẳng như hư không. Tâm đã hiểu rõ có chỗ thuyết thì nói ra tất cả điều đó đều là thanh tịnh. Đạo ấy là cùng khắp, vắng lặng, đoan nghiêm như vậy. Thân làm, miệng nói, lòng có điều suy nghĩ, xả thí, bố thí, tất cả như vậy đều là đối trị phiền não, cho nên gọi là Thí độ vô cực. Việc đáng khuyến trợ cũng lại như vậy. Bố thí chẳng phải là ân huệ của đạo. Kẻ chấp nơi đạo thì chẳng nương vào bố thí, hai việc này chỉ là giả danh, vĩnh viễn không chấp trước, cũng không vướng nơi hình tướng. Giả sử, thọ đạo giáo như vậy gọi là hạnh Bồ-tát, mới gọi là Thí độ vô cực. Đối với chủ bố thí tức là thanh tịnh tức có sự ban phát mà chẳng nghĩ đến quả báo. Tai nghe giới cấm mà chẳng trụ ở sắc thì không chỗ sinh cũng không chỗ diệt, đó là giới. Cũng lại như vậy, việc của thân, miệng, ý, nếu không chỗ tạo tác thì đều vô sở hữu mà trở lại phân biệt. Việc giảng nói về nhân duyên hợp thành, miệng có chỗ nói về “nhân” gọi là giới. Như miệng nói về giới cũng như vậy, hai việc này đều không hình tượng. Các hành nghiệp của giới cấm, tất cả ngôn ngữ giả nói đều không chương cú. Nói về đạo thì không có ngôn thuyết. Miệng ấy đã thông hợp cùng tâm ý mà hành nghiệp là giới cấm, là khuyến trợ đạo đức. Nói giới là đạo, là muốn chiếu sáng nơi giới. Tất cả không hình dáng giống như hư không. Có thể hiểu rõ việc này thì gọi là “Riêng bước hành báo giới cấm”, có thể đạt đến chỗ siêu vượt không ai sánh, hội nhập bình đẳng giác vào đạo thâm diệu không gì sánh. Thế rồi tán thán:

*Như lời, đạo cũng vậy  
Không giữ, chẳng thể thấy  
Chỗ nói, không chỗ thấy*

Ta nói là Phật đạo.  
Thệ nguyện cầu đến đạo  
Chỗ nguyện không chỗ trụ  
Không trụ, không xứ sở  
Cũng vậy, đạo lập nên.  
Vậy các Độ vô cực  
Và chỗ tạo công đức  
Ngôn từ nhờ âm thanh  
Chỗ nói không chỗ nói.  
Được vậy gọi bố thí  
Chỗ thí nên bố thí  
Mới xưng người bố thí  
Đều trụ đạo bình đẳng.  
Nói thông việc bố thí  
Nơi việc đạo diễn bày  
Đạo đó cũng tự nhiên  
Như hư không bình đẳng.  
Nếu hiểu rõ tâm tánh  
Thì lời nói của miệng  
Tất cả thanh tịnh ấy  
Lắng nghe đều đến đạo.  
Thân, miệng và tâm niệm  
Bỏ tất cả phiền não  
Khuyến hóa cũng như thế  
Là Thí độ vô cực.  
Bố thí chẳng nương đạo  
Đạo chẳng dựa ở thí  
Hai việc này giả danh  
Không chấp, không hình tượng.  
Nếu không chỗ tựa nương  
Thọ nhận đạo cũng vậy  
Không quả báo vọng tưởng  
Đó gọi là Bố thí.  
Giả sử nghe giới cấm  
Chẳng trụ ở sắc hình

Chẳng sinh, không chỗ diệt  
 Đó là tướng của giới.  
 Giới chẳng hành cũng vậy  
 Thân, miệng, ý không khác  
 Không làm, không sở hữu  
 Chỉ giả có ngôn thuyết.  
 Nhân duyên hợp có lời  
 Thuyết gọi là giới cấm  
 Như giới chánh đẳng, tôi  
 Hai việc này vô lậu.  
 Các việc đáng giới cấm  
 Tất cả nhờ nơi lời  
 Chỗ đạt được đạo nghĩa  
 Vô nghiệp cũng vô ngôn  
 Miệng nói tâm tạo tác  
 Giới cấm khuyến giúp đạo  
 Giới cấm và đạo giáo  
 Tất cả như hư không.  
 Điều này nếu hiểu rõ  
 Riêng bước vào khắp giới  
 Tức đi ở cùng đạo  
 Đạo sâu màu khó hiểu.

Đồng tử lại nói với những người nơi chúng hội:

–Có thể gọi là nhãn nhục giáo cũng chính là ngôn từ. Thấu rõ được về không và nghĩa không mới là nhãn nhục. Nhãn như bình đẳng, nên ba cõi cũng Như. Nói về hình loại của nhãn vốn không hình tướng, không nhìn thấy, tâm ở đó bình đẳng mới gọi là nhãn. Nếu có thể đạt rỗng lặng là gốc của nhãn nhục. Âm thanh, hương vị là do nhân duyên hợp thành, chúng là không sở hữu, chỉ là văn tự, cho nên tuyên nói thông suốt là nhãn nhục. Đức Như Lai Chánh Giác nói có ba nhãn là thân, miệng và tâm niệm. Nếu có thể hiểu rõ nhãn nhục này thì đó gọi là nhãn. Cắt rời thân thể ấy ra từng bộ phận mà lòng không sân hận. Tham ái và thân ví như tường vách, quán thân như vậy là nhãn nhục. Xa nghe rõ lời nói ác khẩu nếu có đủ sức nhẫn chịu đối với những ngôn từ chẳng ý vị đã nói là nhãn nhục. Nếu lại đi vào tất cả tỳ vết lỗi lầm mà tâm an nhiên, không có ưu kết, ý có thể phân biệt các văn tự tâm mới vào đến nhãn nhục. Nói về nhãn đạo cũng như thế này, thân,

miệng, ý đều đồng vậy thì mới gọi là đạo. Truyền bá Thánh giáo, khuyến giúp vô số, tất cả sự tinh tấn thượng diệu vi tế với những trung gian hàng ức kiếp tập hợp mà chẳng thể đạt đến thành tựu. Giả sử tinh tấn chẳng thể đạt được thì kể cả đạo đức cũng không chỗ thu đạt, chẳng thủ đắc nơi các pháp, đó gọi là tinh tấn. Việc tu tinh tấn, giả như có thể chẳng mang lòng khiếp nhục, cũng không sợ hãi, đó gọi là Bồ-tát đại tinh tấn dũng mãnh thông đạt cùng cực, lòng Từ bi tròn đủ.

Đến đây, Đồng tử nói kệ:

*Có thể gọi nhãn nhục  
Là điều nói thông suốt  
Không, nghĩa không là nhãn  
Nhãn bình đẳng ba đời.  
Nói đến sắc tướng nhãn  
Không tướng không thể nhìn  
Nếu tâm bình đẳng thế  
Ấy mới gọi là nhãn.  
Chân nhãn vốn vắng lặng  
Duyên hợp vị, thanh, hương  
Vốn không có văn tự  
Đó mới gọi là nhãn.  
Tuyên giảng ba nhãn này  
Thân, miệng và tâm niệm  
Nơi cảnh thường bất động  
Thấu suốt mới là nhãn.  
Cắt từng phần thân thể  
Mà lòng chẳng giữ sân  
Thân thọ như tường vách  
Đó là nhãn của thân.  
Xa nghe lời nói ác  
Mẳng chửi chẳng đối đáp  
Rõ lời đó mới nhãn  
An trụ trong lời nói.  
Nếu ở những tỳ vết  
Tâm chẳng mang ái kết  
Chữ không nếu đã rõ*



Thì tâm nhập nhĩn nhục.  
 Như nhĩn đạo cũng thế  
 Thân, miệng, ý như vậy  
 Đấy mới gọi là đạo  
 Gọi là chỗ trợ giúp.  
 Nếu các chỗ tinh tấn  
 Tối thượng, trung, vi hạ  
 Tập hợp hàng ức kiếp  
 Chẳng thủ đắc liền thành.  
 Tinh tấn chẳng thủ đắc  
 Đạo cũng không sở đắc  
 Chẳng đạt tất cả pháp  
 Đó gọi là tinh tấn.  
 Nếu siêng năng làm thế  
 Không khiếm nhược cái khó  
 Đó là đại tinh tấn  
 Là Bồ-tát dũng mãnh.

Đồng tử lại nói với những người nơi chúng hội:

–Gọi là Thiền tư cũng chẳng có ý niệm, kể cả thiền giả cũng không chỗ trụ, bỏ tất cả tướng, đó mới gọi là Thiền độ vô cực. Tức có thể tịch nhiên, tự tại, không ngôn thuyết, không phóng dật, lìa khỏi các lậu, siêu vượt tất cả phiền não gọi là Thiền độ vô cực. Tâm đối với các pháp chẳng khiến duyên dựa, ở tâm lìa khỏi tâm gọi là Thiền độ vô cực. Tâm và thiền định thường dẫn đến ý đạo, luôn lấy bình đẳng quan sát mọi việc ấy. Nếu có thể bình đẳng đối với những điều quan sát không có tà chánh, đó gọi là Phật đạo. Chẳng vì khó được, không có văn tự, cũng không có lời nói, chẳng thể rót ráo, cũng không sở hữu, không có phóng dật, cũng chẳng phóng túng theo ý mình, đây mới gọi là Trí độ vô cực. Không có cõi này, chẳng qua bờ kia, lại đối với đây, kia mà không chỗ trụ, chánh lập pháp giới bằng không chỗ trụ, cũng không tham chấp, cũng không văn tự, không chỗ ban tuyên. Đã không văn tự lại chẳng giả khởi tất cả tư tưởng, hoặc có thể mở bày thọ nhận đối với pháp này, mới gọi là Trí độ vô cực. Sáu Độ vô cực cũng lại như vậy. Giả sử có người quan sát bình đẳng tức có thể bình đẳng đối với tất cả các pháp, cũng có thể bình đẳng với tất cả chúng sinh. Nếu có thể đồng hình tướng nơi hết thấy pháp tức có thể bình đẳng với mọi chúng sinh. Nếu có thể bình với mọi chúng sinh thì

có thể bình đẳng với tất cả chư Phật. Bình đẳng với tất cả chư Phật thì có thể phụng tu Nhất thiết trí. Vì thế, Bồ-tát luôn dũng mãnh, vô úy, đây gọi là trí tuệ vô tận. Nếu có thể thuận theo lời giáo hóa này tức thuận theo Pháp nhãn chẳng thể nghĩ bàn.

Đến đây, Đồng tử nói kệ tụng:

*Hành thiền không chỗ nghĩ  
Chuyên tâm không chỗ trụ  
Đoạn tất cả các tướng  
Là Tịch độ vô cực.  
Tự tại và tịch nhiên  
Hết các lậu, buông lung  
Trừ bỏ mọi phiền não  
Là Tịch độ vô cực.  
Tất cả pháp tâm ấy  
Chưa từng khiến duyên dựa  
Vô tâm thoát khỏi tâm  
Vắng lặng qua bờ kia.  
Kể ra đạo với tâm  
Quan sát đều bình đẳng  
Nếu quán xét bình đẳng  
Phật đạo chẳng khó được.  
Xả văn tự, vô ngôn  
Không gốc, không sở hữu  
Chẳng thích, chẳng phóng túng  
Mới gọi là trí tuệ.  
Không đây, chẳng bờ kia  
Không trụ ở đây, đó  
Chánh lập ở pháp giới  
Chẳng trụ không chấp trước.  
Văn tự không ban bố  
Chẳng dấy tất cả tướng  
Mà thọ nhận các pháp  
Mới gọi là trí tuệ.  
Các Độ vô cực ấy  
Đồng một loại nhận biết*

*Thì bình đẳng các pháp  
 Bình đẳng với chúng sinh.  
 Do bình đẳng các pháp  
 Nên bình đẳng chúng sinh  
 Bình các pháp đẳng với  
 Bình đẳng Nhất thiết trí.  
 Cho nên gọi Bồ-tát  
 Đại trí tuệ dũng mãnh  
 Thuận theo giáo lệnh này  
 Pháp nhĩn chẳng thể bàn.*

Đồng tử vì các vị Chánh sĩ nói chương cú này, phân biệt chỗ hướng đến, đã làm cho một ngàn hai trăm người đều phát ý đạo Vô thượng Chánh chân, sáu vạn vị Bồ-tát được pháp nhĩn Vô sở tùng sinh. Các vị Bồ-tát ngồi trên hoa sen tức thời lui xuống, đánh lễ dưới chân Phật và lại đánh lễ Bồ-tát Vô Ngôn, đều thưa:

–Thưa Bồ-tát Vô Ngôn! Chúng tôi vì báo đáp ơn của Thánh sư, kính ưa chánh pháp, phụng sự kính điển, tu hành hiếu thuận mà có đến đi lui tới.

Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Các vị Bồ-tát này vì cớ gì mà tuyên nói lời nói như vậy: Chúng con hiếu thuận mà có đến đi lui tới?

Đức Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Các vị Bồ-tát này đều do sự khuyến phát của Đại sĩ Vô Ngôn, khiến họ tuyên nói đạo giáo, diễn giảng ân từ, nhân nghĩa, phép tắc và giáo lý Đại Thừa chánh chân vô thượng, khai hóa người chưa nghe khiến họ phát ý đạo. Đó là hiếu thuận mà có tới lui báo đáp ơn thầy, nên hôm nay đến tạo công đức cúng dường, cũng muốn nhìn thấy ở pháp hội này việc kính cẩn phụng sự Phật Thánh, nghe xét kính điển, hỏi han nhận lấy điều được nghe.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Ngôn bạch Đức Thế Tôn:

–Con muốn thưa hỏi Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác chỗ nghi kết trong lòng. Nếu được Đức Thế Tôn cho phép thì con mới dám trình bày!

Đức Thế Tôn liền bảo Bồ-tát Vô Ngôn:

–Ông cứ tùy ý thưa hỏi những điều chưa rõ. Như Lai mỗi mỗi sẽ vì ông mà giải bày, có thể làm vừa lòng ông, khiến ông không còn nghi ngờ nữa.

Hiền giả Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Vô Ngôn:

–Thưa Tộc tánh tử! Đại sĩ chẳng thể nói năng thì sao lại muốn hỏi Đức Như Lai về nghĩa lý?

Vô Ngôn đáp:

–Tất cả các pháp đều không văn tự cũng không ngôn từ. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều tự nhiên, không có các ngôn giáo và mọi niệm tưởng.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Do chỗ ý niệm trong tâm mà miệng nói ra ngôn từ, nếu không nghĩ gì thì không gì để nói. Chỗ niệm của tâm đều rỗng lặng không thật. Lời nói chẳng thể nói, chẳng thể chỉ bày cho người, cũng không thể thủ đắc. Hỏi han, hành niệm tư tưởng chấp trước đều không sở hữu mà không văn tự. Sự rỗng lặng ấy cũng không niệm tưởng, cũng chẳng tuyên nói nơi văn tự thông suốt. Các hành niệm ấy chẳng tự tưởng nghĩ, nói năng. Tôi sẽ nêu bày về việc nói của văn tự. Văn tự chẳng nghĩ là sẽ hành niệm tưởng để thông suốt việc nói của văn tự.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Mười hai duyên khởi thâm diệu như vậy khó đạt được. Nhân duyên sinh ra thì tự nhiên tỏ rõ sự không sở hữu. Giả sử tự nhiên không sở hữu thì không có việc đạt đến sự thành đạo.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp đều không có chỗ thành của nhân duyên, nương vào không chỗ trụ mà có sự tạo tác, nhân nhờ nơi duyên mà hợp, cho nên nhân duyên không có sự hưng lập.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp đều không có chủ thể, vua cũng không phải luôn là chủ, do không có chí niệm, tư tưởng của mình giống ruồi nhiều chỗ, từ đối đãi mà có ý niệm ở nơi các tướng, những điên đảo từ chỗ ấy khởi sinh. Điều đó nếu có hỏi mà thấy khó hỏi tức chỗ tướng niệm nhận biết tất cả pháp ấy. Hữu tướng, vô tướng đều là một tướng, gọi là vô hữu tướng. Điều sở dĩ hỏi đó chính là hạnh Bồ-tát với tâm đại Bi.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Do vậy nên tôi hưng phát tâm đại Bi thưa hỏi Đức Như Lai. Tôi chẳng dùng ngôn từ âm thanh, dựa vào ngôn giáo để hỏi mà trụ ở việc hỏi của Bồ-tát đại Bi.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thưa Tộc tánh tử! Giả sử không chúng sinh, không có người vật

thì Bồ-tát nhân vào đâu mà hưng khởi tâm đại Bi đối với chúng sinh?

Đồng tử Vô Ngôn đáp:

–Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Giả sử chúng sinh chẳng cầu thành tựu mà đến với đạo thì đó mới gọi là Bồ-tát, chẳng đối với chúng sinh hưng phát tâm đại Bi, nhưng chúng sinh không có chúng sinh khởi chúng sinh tưởng, nên Bồ-tát ở nơi chúng sinh mà hưng phát đại Bi. Giả sử nói “Có người” thì ngược lại như vậy, tất cả năm đường giống như huyền hóa. Thật khổ thay, cho những kẻ điên đảo! Không có chúng sinh khởi tưởng về chúng sinh, cho nên vì họ mà giảng nói kinh đạo, khiến họ không còn thấy có tôi, ta, gốc ngọn đều không. Do đó Bồ-tát vì các chúng sinh hưng phát đại Bi, không chỗ phá bỏ, chẳng hủy sở hữu, chẳng hoại ta, tôi thọ mạng, người. Vậy nên nói Bồ-tát vào với đại Bi dẫn đường tạo lợi lạc cho chúng sinh. Thấy thông tỏ như sự phân minh về không. Vì sự cấu nhiễm của những khách trần đã có thể dẫn nhập cùng vào tất cả các sắc, tự quán thấy tận gốc đều thanh tịnh. Thế nên Bồ-tát đối với chúng sinh phát khởi tâm đại Bi.

Hiền giả Xá-lợi-phất khen Bồ-tát Vô Ngôn:

–Lành thay, lành thay! Thưa Tộc tánh tử! Thật như điều đã nói là một chữ không có khác. Lại theo bậc Nhân hiền, người hướng về, người lắng nghe sự giảng nói với biện tài nên muốn nêu hỏi. Phải theo bậc Chánh sĩ nhận lấy sự chẳng thể nghĩ bàn như vậy về pháp đã ban bố. Thị hiện vấn đạo thuyết giảng kinh pháp sẽ khiến cho quân ma chẳng được thuận tiện, khiến cho giáo pháp của Đức Như Lai được đứng vững lâu dài. Những chúng hội này, các hàng trời, rồng, quỷ thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Già-lâu-la, Chân-đà-la, Ma-hư-lặc, Nhân phi nhân, đạt được ánh sáng đạo pháp không lường.

Lúc này, Bồ-tát Vô Ngôn bạch Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn! Thế Tôn thường nói người tu chánh kiến có hai nhân duyên: Nghe âm thanh của người khác và tư duy về hạnh ấy. Hay thay! Thưa bậc Đại thánh! Nguyện xin Đức Như Lai Chí Chân Chánh Giác phân biệt nêu rõ: Sao gọi là Bồ-tát nhờ nơi âm thanh khác? Sao gọi là tư duy? Sao gọi là chánh kiến của Thánh hiền?

Đức Phật bảo Bồ-tát Vô Ngôn:

–Này Tộc tánh tử! Hãy lắng nghe cho kỹ và khéo suy nghĩ! Hôm nay ta sẽ phân biệt nêu bày. Như việc Bồ-tát nhờ vào âm thanh khác, nhân đó suy nghĩ, phụng trì theo chánh kiến của Hiền thánh.

–Lành thay! Thưa Thế Tôn! Con nguyện muốn nghe!

Bồ-tát Vô Ngôn cùng với đại chúng hội thọ nhận lời dạy bảo và lắng nghe!

Đức Phật nói:

–Này Tộc tánh tử! Nếu có Bồ-tát khuyến hóa chúng sinh vào với Phật đạo, đó là Bồ-tát vâng nhờ âm thanh khác. Giả sử khiến cho lòng người ấy chẳng mang rối loạn, đó là tư duy. Giả sử bình đẳng quan sát nơi ý đạo, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Lại nếu nghe xét đạo pháp nhu thuận, đó là vâng nhờ âm thanh khác. Nếu có thể phụng trì đạo nghĩa của Phật, đó là tư duy. Nếu có thể phụng hành đạo Bồ-tát, chứng được pháp nhẫn đó là chánh kiến của Hiền thánh.

Lại nữa, này Vô Ngôn! Nếu có tuyên dương về tuệ Vô thượng Chánh Chân vi diệu đã nghe, đó là vâng theo âm thanh khác. Giả sử có thể thông đạt chẳng kể tôi ta đó là tư duy. Chí tánh thanh tịnh không có dua nịnh, phát khởi nghiệp lớn đó là chánh kiến của Hiền thánh. Điều nghe thuận nghĩa, chẳng trái pháp, đó là vâng theo âm thanh khác. Tu mọi gốc đức, đó là tư duy. Hành động vi diệu khuyến trợ với đạo, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Chuyên tinh nghe nhận là vâng theo âm thanh khác. Cầu đạt nghĩa đặc thù, đó là tư duy. Khuyến trợ đạo ý chưa từng bỏ quên, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Thuận niệm như cần sự khuyến trợ đạo ý, chẳng lùi bỏ chỗ ban đầu, bình đẳng quán Hiền thánh, buông bỏ tất cả điều có thể nghe, nghĩ đó là vâng theo âm thanh khác. Tất cả sở hữu đáng tôn kính đều có thể thí cho không chút luyến tiếc, đó là tư duy. Chẳng mong sự báo đáp của người khác, chẳng tham đắm đạo, đến với Đại thừa, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Nghe biết lời dạy sâu mầu của giới cấm thì đây là vâng theo âm thanh khác. Sự chấp trì giới tâm không chỗ tập quen, đó là tư duy. Giới không sở hành, dốc lòng tin chí chân, khuyến trợ nơi đạo, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Lắng nghe về nhẫn nhục, nhân nghĩa, đại Từ, đây là vâng nhờ âm thanh khác, Mang lòng thương xót, không có tâm tổn hại, đó là tư duy. Rốt ráo nhàn tĩnh, tin hết thấy các pháp, đều khuyến trợ Phật đạo, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Lắng nghe tinh tấn thuận theo, đó là vâng nhờ âm thanh khác. Tâm ấy chẳng trụ biếng nhác cấu bẩn, đó là tư duy. Không hợp không tan, không điều lỗi lầm, ân cần tinh tấn để khuyến trợ đạo, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Khiến nghe thiền định, ba cửa giải thoát, Tam-muội Chánh thọ đó là vâng nhờ âm thanh khác. Việc làm của tâm mà chẳng thể thủ đắc, quan sát gốc của tâm, đó là tư duy. Việc tu thiền định chẳng rơi vào điên đảo, khuyến trợ Phật

đạo, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Lắng nghe về thân, rễ, hoa, trái của trí tuệ, đây là vâng nhờ âm thanh khác. Theo pháp đã nghe, quan sát sự hướng về của gốc ngọn, đó là tư duy. Từ bỏ mọi bờ, đáy, ngọn nguồn của các dòng chảy, khai hóa ý đạo, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Dùng bốn Nhiếp pháp để chỉ bày, lãnh hội và hiểu rõ điều đã nghe, không chấp trước, đó là vâng nhờ âm thanh khác. Chưa từng buông xả giáo lý bốn Nhiếp pháp, đó là tư duy. Chỗ có thể cứu độ ban ơn cho chúng sinh, nghĩa ấy bình đẳng khai dẫn và an lập ở Nhất thiết trí, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Tu bốn Phạm hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả, đây là vâng nhờ âm thanh khác. Chẳng trừ bỏ tâm thương yêu mọi loài, cũng không hủy hoại, chỗ có thể phụng hành chẳng cầu danh xưng, đó là tư duy. Tuân thích nơi không, vô vì chúng sinh nên tu Từ bi, do pháp mà tự hiện hành sự hỷ lạc, vì hai quả báo nên khuyến trợ đạo đức đó là chánh kiến của Hiền thánh. Giả sử khiến lắng nghe bốn phân biệt biện, đó là vâng theo âm thanh khác. Quan sát uy nghi phép tắc của các pháp, đó là tư duy. Từ nghĩa pháp mà bình đẳng nơi sự bình đẳng, chỗ hạnh đầy đủ, khuyến phát ý đạo, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Nếu nghe điều nói, phụng hành sự dẫn dắt tạo lợi lạc vi diệu, đó là vâng theo âm thanh khác. Thuận ở, thuận đi mà chẳng xa lìa đó là tư duy. Chương cú, dấu vết đạo tùy nơi mỗi xứ sở mà ban bố Phật đạo, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Nếu có thể khiến nghe ba mươi bảy phẩm trợ đạo của Chánh giác đó là vâng nhờ âm thanh khác. Tu tập nơi chỗ dừng của ý thì chẳng rối loạn, hành đến nơi sự đoạn dứt vọng ý chưa từng bị mê hoặc theo tâm bất thiện, luôn thuận theo chí của đức nghĩa. Thần túc ấy là tinh tấn thiền định, chẳng mang lòng khiếm nhược dốc tâm tin như vậy, hiểu rõ chương cú, chẳng thoái chuyển, tuệ có thể quan sát từng mỗi một đối tượng, tâm nhờ pháp lực chẳng hành theo phiền não, vào pháp giác ý nơi tâm đạo bình đẳng, đó là tư duy. Giả sử không ý, không có suy tư, đình chỉ bốn ý, chẳng khởi, chẳng diệt, với bốn Ý đoạn thì nhu hòa thân tâm, với bốn thần túc thẩm xét như chân đế. Hiểu rõ như thế, hướng về như vậy, cầm dao trí tuệ cắt đứt mọi cấu bần, ái dục chẳng tan, vào nơi chánh pháp, nhưng với giác ý thì quán bình đẳng không có hai việc, chỗ về đường thẳng, khuyến giúp đạo tâm, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Nếu khiến lắng nghe bốn Thánh đế đó là vâng theo âm thanh khác. Khổ hoạn nơi năm ấm, ách nạn nơi tham ái, diệt hết quả báo của nhân duyên huân tập, vào nơi đường thẳng đó là tư duy. Tuy ở với các khổ mà trí tuệ không chỗ khởi niệm. Trụ nơi các chỗ Tập, trí tuệ không chỗ tập, đối với các chỗ tận, tuệ tận

rốt ráo, do đi trên đường thẳng, trí tuệ không chấp trước, khuyến phát đại đạo đó là chánh kiến của Hiền thánh. Nếu nhờ nghe nhận ở ba cửa giải thoát đây là vâng nhờ âm thanh khác. Thuần tin ở “không” nên chẳng sợ vô tướng, với vô nguyện không chỗ chí cầu, đó là tư duy. Chẳng sinh “hành không”, khai hóa các kiến, hưng khởi vô tướng, dạy bảo dẫn dắt tất cả. Các hành nơi tướng phát khởi nơi vô nguyện, là chỗ sinh ra sự chí thành, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Khiến bắt đầu phát ý thuận theo nghiệp lớn đây là vâng theo âm thanh khác. Tu hạnh Bồ-tát, chẳng bỏ tất cả, đó là tư duy. Chẳng thoái chuyển địa, sẽ thành Chánh giác, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Gặp được Thiện tri thức, theo lời dạy của vị ấy đây là vâng theo âm thanh khác. Mắt thấy Đức Thế Tôn, hỏi han, thính thọ con đường Thánh đó là tư duy. Đúng như lời nói chẳng trái với điều đã nói, thân miệng tương ứng đó là chánh kiến của Hiền thánh. Nghe lời giảng pháp bình đẳng với sự mê hoặc thì đây là vâng theo âm thanh khác. Quan sát chỗ về của các pháp nghĩa thì đó là tư duy. Phụng hành pháp nghĩa, chẳng mất đạo giáo thì đó là chánh kiến của Hiền thánh. Thân cận Như Lai, hỏi han, thính thọ sự ban tuyên của Như Lai thì đây là vâng theo âm thanh khác. Biết phân biệt đạo, mà tâm chẳng bỏ đại đạo đó là tư duy. Thọ nhận phụng hành, có sự khai hóa, có thể khiến thành tựu, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Giả sử có thể nghe nhận tám vạn bốn ngàn các pháp đạo phẩm pháp đây là vâng theo âm thanh khác. Hiểu rõ, phân biệt tám vạn bốn ngàn hạnh của chư Phật, đó là tư duy. Tám vạn bốn ngàn loài chúng sinh căn cơ mỗi một đều khác mà nói pháp đều kế hợp đó là chánh kiến của Hiền thánh. Ở mọi nơi mọi chỗ sinh sống không có gì ưa thích mà phát tâm công đức đó là vâng theo âm thanh khác. Giả sử tâm ấy chẳng xả công đức đó là tư duy. Dùng tâm công đức đó, chuyên cần tinh tấn khuyến trợ nơi Nhất thiết trí đó là chánh kiến của Hiền thánh. Nay Tộc tánh tử! Giả sử thuận theo niệm thì trường thọ, sống lâu vô cùng, không đầu không đuôi, thì đó là chánh kiến của Hiền thánh. Vì sao? Vì năm đường xoay vần, như huyễn hóa, mộng, ảnh, tiếng vang, dợn nắng, trăng đáy nước, thân cây chuối. Hiểu rõ như vậy là vâng theo âm thanh khác. Tất cả các pháp đều bình đẳng, không thiên lệch thì đó là tư duy. Nếu đạt đến bình đẳng mới là chánh kiến của Hiền thánh. Gọi là tư duy, thì chẳng nâng lên, chẳng hạ xuống, ở nơi tất cả pháp không ứng chẳng ứng, không tiến chẳng tiến, không xử chẳng xử, không hành chẳng hành, không niệm chẳng niệm, không tưởng chẳng tưởng, không ý



chẳng ý, không nghĩ chẳng nghĩ, không tâm ý giáo. Đó gọi là nhập pháp môn Bất nhị. Hiểu rõ một phẩm, không hợp, không tan, không trái, không thuận, hiểu rõ nghĩa sâu, bản tánh thanh tịnh, rất là sáng rõ mà phải giảng nói, không tối không sáng, không đục, không trong, không có thứ lớp tức là pháp giới, không có sự phá hoại đối với bản thể chẳng bị lay động. Vào với “vô bản”, ở nơi ba đời không chỗ ở, không ngã, không nhân, không thọ, không mạng, không âm, không thanh của các văn tự với nghĩa lý không có chỗ thu đạt, không có tài nghiệp, không chỗ đặt để, được những tận cùng, tất cả chỗ hành không có các niệm, lia tất cả tướng, đoạn dứt hết thấy việc phóng dật, diệt trừ hết tất cả các việc, hành niệm, không chấp trước, bỏ các sự chấp trước, cao vời vợi cho đến sự khen ngợi của Như Lai về vô vi, cắt bỏ các tướng đó là bình đẳng, không có hình mạo, mỗi một đều ứng với tư duy. Giả sử hành giả từ Tam-muội khởi dậy thì dùng pháp này, vì chúng sinh và người khác giảng nói, liền ở chỗ ấy tìm kiếm nguồn gốc, ứng đúng với tư duy mà trị liệu, không bị dao động. Đó gọi là đứng ở chánh kiến của Hiền thánh đại Bi.

Khi Đức Phật giảng nói về chánh kiến của Hiền thánh có một vạn vị Bồ-tát đạt được chánh kiến của Hiền thánh. Bấy giờ Hiền giả Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Vô Ngôn:

–Thưa Tộc tánh tử! Từ đâu nghe pháp mới có thể hưng phát chánh kiến của Hiền thánh?

Bồ-tát Vô Ngôn đáp:

–Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Tôi đã nghe pháp từ chỗ không tạo tác, chẳng từ tâm quá khứ mà đến được đạo, cũng chẳng vị lai, cũng chẳng hiện tại, bình đẳng nơi ba đời, bình đẳng nơi tất cả pháp. Có nơi hưởng tới mà không chỗ quy về, cũng không có pháp, cũng không chỗ bình đẳng. Tôi từ nơi chỗ đó mà nghe pháp, chẳng hữu vi, chẳng vô vi, không thức, không trụ, không tâm ý thức, đối với tất cả pháp không có chỗ để phụng thờ, ngăn dừng tất cả tâm chúng sinh, có thể làm vui mọi người, với nghĩa lý không chỗ thu đạt, cũng chẳng dao động, ở nơi không lực độc mà không chấp trước. Tôi chính từ nơi ấy mà lắng nghe pháp. Thấy sinh ra đời là chẳng sinh, chẳng khởi, tất cả pháp chẳng chỗ hưng khởi, phân biệt không gốc mà không có chỗ nói. Tôi chính từ nơi ấy mà lắng nghe pháp. Trụ ở pháp giới ấy cùng ngự ở cõi người, pháp giới, nhân giới và hư không giới, không hề sai biệt, bình đẳng nơi các cõi không chỗ sinh, chẳng tạo ra bao nhiêu cõi. Tôi chính từ chỗ đó mà lắng nghe pháp. Chẳng ở đạo tràng, chẳng ngồi

nơi gốc cây, cũng chẳng kinh hành, cũng chẳng đắc Phật, chẳng dựa vào đạo, chẳng bỏ thế tục, khiến cho mọi người chẳng khởi chấp trước cùng tạo tâm niệm: Như Lai đắc đạo cũng chẳng đắc đạo, được tướng tốt hoặc chẳng được tướng tốt, chứng đắc chẳng chứng đắc, đều từ tánh bản tịnh tự nhiên.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Pháp là không thể nắm giữ, mà chẳng thể nắm bắt tức là không có thân, do không có thân nên không sự thành tựu. Do không chỗ thành tựu nên không chỗ sinh, do không chỗ sinh nên không chỗ khởi, do không chỗ khởi nên không hết mất, do không hết mất nên không chấp trước, do không chấp trước nên chẳng dao động, do chẳng dao động nên không chỗ tạo tác, do không chỗ tạo tác nên như nước chảy nhanh. Như nước chảy nhanh nên không chỗ thủ đắc, đã không chỗ thủ đắc thân qua bờ kia, đã qua bờ kia thì không xuống thấp, chẳng xuống thấp thì không có vật chứa. Đã không có vật chứa thì không chỗ ứng hợp, đã không chỗ ứng hợp tức lia khỏi ái dục, đã lia khỏi ái dục thì không có tướng, đã không có tướng tức đoạn dứt mọi loạn động, đã đoạn dứt mọi loạn động thì bản tánh thanh tịnh, đã đến thanh tịnh thì không có cấu uế, đã không có cấu uế thì không phiền não, đã không phiền não thì không đồng hình tượng, đã không đồng hình tượng thì trụ ở bình đẳng, đã trụ ở bình đẳng thì an lập không động, đã an lập không động thì không chỗ cầu, đã không chỗ cầu thì như chân đế, đã như chân đế thì thấu rõ như thật, đã thấu rõ như thật thì không sở hữu, đã không sở hữu thì ở nơi các duyên mà không đối tượng duyên, đã ở nơi các duyên không có đối tượng duyên tức qua khỏi cảnh giới, đã qua các cõi thì chỗ khởi không chỗ khởi, không chỗ nâng lên, đã không chỗ nâng lên thì không chỗ hạ xuống, đã không chỗ xuống thì không có cửa, đã không có cửa thì liền lìa khỏi ngôn giáo, đã lìa khỏi ngôn giáo thì qua được thức cú (*tâm thức qua vùng ngôn ngữ*), đã qua được thức cú thì chẳng trở về, đã chẳng trở về thì không có xứ sở, đã không có xứ sở thì không có phi xứ, đã không có phi xứ thì không gieo trồng, không gieo trồng thì không rễ mầm, đã không rễ mầm thì vô vi, vượt qua dấu vết của các thức, tịch nhiên, đã đến tịch nhiên thì rốt ráo tự tại, đã đến tự tại thì không mưu nghĩ, đã không mưu nghĩ thì rốt ráo không hận, đã đến không hận thì đến hiểu rõ ý, đã đến hiểu rõ ý thì chẳng còn khởi niệm, đã không còn dấy khởi niệm thì trở về đạo bình đẳng vô vi, đó là pháp.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Pháp như vậy nên chọn việc thuyết

kinh như vậy. Người chánh kiến ấy là hạng người nào? Người chánh kiến ấy bình đẳng với thân mình, đã bình đẳng với thân mình thì lia hỏi hợp hội, đã lia hợp hội thì ở nơi bình đẳng chẳng thấy bình đẳng, thấy các chỗ nhận biết như không có chỗ tướng nghĩ.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Đó là tuyên nói thông suốt về pháp luật của Hiền thánh chánh kiến.

Bồ-tát Vô Ngôn nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Như bình đẳng với vô minh tham đắm nơi ái thì cũng bình đẳng với trí tuệ giải thoát, bình đẳng với diệt độ không làm chẳng làm. Đó là bình đẳng đạt đến của chánh kiến Hiền thánh. Nếu có chỗ nhìn thấy mà chẳng thủ lấy cái thấy khác thì đó là chánh kiến của Hiền thánh.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Nếu có thể bình đẳng với dâm nộ si tức cũng bình đẳng với tướng giải thoát không, không tướng, không nguyện, tức là một tướng, nghĩa là về với vô tướng rồi thì có thể về với sự bình đẳng này, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Lại nữa, người ở nơi chánh kiến đối với các sự bình đẳng chẳng tạo ra hai việc. Đã không hai việc thì chẳng trụ ở chỗ tương ứng. Đã không tương ứng thì chẳng có chỗ trụ, chẳng được các pháp, vì tất cả bình đẳng không sai khác, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Lại nữa, bình đẳng không hai tức là bình đẳng với chúng sinh, tức là bình đẳng với chư Phật, tức là bình đẳng với các pháp, đã bình đẳng với các pháp thì bình đẳng với cõi nước, đã bình đẳng với cõi nước thì bình đẳng với hư không. Đối với bình đẳng ấy nếu chẳng chuyển dời thì có thể ở nơi bình đẳng này mà trụ vào bình đẳng, tu không xứ sở, đó là chánh kiến của Hiền thánh. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Cho nên như hình loại của pháp, người nghe cũng vậy, chánh kiến cũng như vậy.

Lại nữa, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Trưởng lão làm hưng khởi chánh kiến chẳng? Từ đâu để nghe pháp? Chỗ nhận thức là loại gì?

Hiền giả Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa Tộc tánh tử! Như tôi hôm nay nghe chỗ giảng nói pháp, xét về nghĩa quy hướng ấy mà có chỗ thuyết giảng đều rơi vào sự thiếu sót.

Bồ-tát Vô Ngôn đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Dám có ngôn từ đều rơi vào thiếu sót, sai lầm.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Thưa Tộc tánh tử! Chỗ tuyên dương về phước đức vô lượng của Đức Như Lai Chí Chân thì chỗ thuyết ấy đâu có rơi vào thiếu sót, sai

lầm?

Bồ-tát Vô Ngôn đáp:

–Đúng vậy! Nói như vậy mà không có chỗ nêu bày nên chẳng rơi vào sự thiếu sót sai lầm. Vì sao? Vì Đức Như Lai Chí Chân chẳng dấy khởi danh đức, chẳng phải hâm mộ phước hơn hết của mình. Vì sao? Vì Như Lai ấy là không đức, không xưng. Nếu nghĩa của Như Lai là không gốc thì Như Lai cũng lại như vậy, ở nơi không gốc mà chẳng chuyển động. Nếu có chỗ chẳng mong muốn đức hơn hết của Như Lai thì chỗ hâm mộ đó là không bình đẳng, cũng không thiên lệch với dục, không dục. Có chỗ hâm mộ tức là rơi vào chỗ thiếu sót, sai lầm.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thưa Tộc tánh tử! Sao gọi là ở nơi pháp mà không thiếu sót sai lầm?

Bồ-tát Vô Ngôn đáp:

–Không có bốn đại, năm ấm, sáu nhập, chẳng dùng đỉnh đầu thọ nhận, không có sự mời gọi đến, ắt không chỗ hành, chẳng có ngôn từ, không răn bảo, chẳng phải không răn bảo mà đối với đạo pháp khiến cho tâm ý thức không chỗ khởi sinh, đó là pháp không sai lầm. Giả sử có khởi tâm ý thức tức là rơi vào sự thiếu sót, sai lầm. Nếu đối với các pháp có làm không làm thì rơi vào thiếu sót sai lầm. Đối với các pháp không làm, chẳng phải là không làm mới là không thiếu sót sai lầm. Lại nữa, nếu đối với các pháp có chỗ phân biệt, không có chỗ diệt trừ mà có chỗ hành, có chỗ tạo tác chứng thì rơi vào chỗ thiếu sót sai lầm. Nếu không hiểu rõ, không trừ chỗ bỏ đi, cũng không chỗ hành, chẳng có tạo tác chứng đắc mới là không thiếu sót sai lầm. Giả sử có chỗ thấy, không có chỗ nghe nói, giáo hóa, thu đạt được chỗ hưởng về của sự hiểu biết thì rơi vào sự thiếu sót sai lầm. Ở nơi tất cả cõi mà không chốn hành mới không sai lầm, thiếu sót. Nếu có sự nhìn thấy công đức hay lỗi lầm thì rơi vào sự thiếu sót sai lầm. Giả sử việc hành dụng không có tỳ vết, không có xưng tụng công đức, cũng không có chỗ nhận thấy thì mới không thiếu sót, sai lầm.

Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Vô Ngôn:

–Lành thay, lành thay! Nay Tộc tánh tử! Nếu muốn giảng giáo pháp thì phải giảng nói như thế.

Lúc ấy, có một vạn hai ngàn vị Bồ-tát chứng được pháp nhãn Vô sở tùng sinh.

Bồ-tát Vô Ngôn lại bạch Phật:

–Con biết được Đức Như Lai vì các Bồ-tát mà giảng nói về bốn lực:

1. Tín lực.
2. Tinh tấn.
3. Ý lực.
4. Trí lực.

Thưa Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác. Xin Như Lai phân biệt, nói rộng về bốn phẩm lực này. Sao gọi là Bồ-tát dốc hết sức tin, sức tinh tấn, sức ý, sức trí tuệ?

Đức Phật bảo Bồ-tát Vô Ngôn:

–Ông hãy nghe cho kỹ và khéo suy nghĩ.

–Lành thay! Thưa Thế Tôn! Con nguyện xin muốn nghe.

Bồ-tát Vô Ngôn vâng lời Phật và lắng nghe. Đức Phật nói:

–Này Tộc tánh tử! Giả sử Bồ-tát tin pháp của chư Phật, ưa thích thuận theo chẳng mang tâm hồ nghi, cũng không do dự thì đó là Tín lực. Chư Phật khi xưa tinh tấn cầu đạo, chí hăm mộ kinh điển này, chẳng hề lười biếng phế bỏ, chẳng mang tâm khiếm nhược, cũng chẳng thoái chuyển, đó là Tinh tấn lực. Nếu thấu lấy chí ấy, tập hợp gốc đức không có quên mất, ý ấy chẳng loạn, chẳng xả tâm đạo, đã có thể hưng phát lòng chân chánh khuyến giúp nơi đạo, đó là Ý lực. Việc tu trí sáng ở nơi tất cả pháp, chẳng cần tuệ của người khác mà được tự tại, tuệ không chướng ngại, đó là Trí tuệ lực.

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Vô Ngôn:

–Tin ở Hiền thánh, riêng đi vào ba cõi, không chỗ nghi nan đó là Tín lực. Hành hóa tinh cần, cung kính phụng thuận đó là Tinh tấn lực. Ý niệm trong tâm thường nghĩ đến điều ban bố thí dạy của Hiền thánh, chưa từng bỏ quên đó là Ý lực. Nếu theo Chí Thánh, chỗ nghe của trí tuệ là gốc nơi kinh điển nên có thể phụng hành, đó là Trí lực. Lại nữa, giả sử dốc tin vào quả báo của tội phước chẳng hề nghi loạn đó là Tín lực. Nếu có thể siêng hành dụng, mà chẳng phải là hành, chẳng vì sự hành dụng ấy đó là Tinh tấn lực. Nghĩ đến sự hưng khởi hành nghiệp nhất định không hư hoại đó là Ý lực. Nếu có thể hiểu rõ chỗ không có tội phước báo ứng, có thể phân biệt tất cả các pháp đó là Trí lực.

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Vô Ngôn:

–Giả sử tâm niệm ấy lắng trong không cấu uế, có thể thấu lấy ý niệm và thuận theo lời dạy của đạo đó là Tín lực. Chỗ thọ nhận của ý

được nuôi dưỡng đó là Tinh tấn lực. Nếu khiến cho tâm ấy luôn thuận theo chí nguyện duy nhất đó là Ý lực. Tâm quan sát các pháp, tất cả đều như huyễn đó là Trí lực. Lại nữa, tin tất cả pháp đều là không đó là Tín lực. Việc tu tinh tấn, cởi các trói buộc nơi kiến chấp đó là Tinh tấn lực. Đối với trong, ngoài đều không mà chẳng kinh sợ đó là Ý lực. Quan sát rốt ráo về không, gốc, ngọn đều không đó là Trí lực. Vô tướng, vô nguyện đối với tất cả pháp không chỗ tạo tác, đó là Tín lực. Đem đạo pháp này vì mọi người phân biệt giảng nói đó là Tinh tấn lực. Giả sử đối với tâm niệm ấy, ở nơi các pháp nẻo hành luôn tự tại đó là Ý lực. Sự giảng nói từ trước là phương tiện phải nêu rõ thông suốt khiến tất cả sự tìm kiếm người nêu giảng, vĩnh viễn chẳng thể thủ đắc đó là Tuệ lực. Tất cả sở hữu của tâm niệm tự phải nghỉ, muốn buông bỏ niềm tin nơi bố thí đó là Tín lực. Có chỗ buông bỏ chẳng hề biếng nhác, mệt mỏi, chưa từng khiếp sợ đại đạo, chưa từng trái bỏ bố thí mà hưng khởi bố thí, lại còn khuyến trợ ý đạo đó là Ý lực. Chẳng thủ đắc nơi người thí, cũng không người nhận, chẳng mong đền đáp đó là Trí tuệ lực. Phụng hành giới cấm, thành tựu quả báo tín giới chân chánh đó là Tín lực. Dùng sự tinh tấn diệt trừ các lòng phạm giới đó là Tinh tấn lực. Nếu dùng tâm đạo nhớ nghỉ chẳng quên, sự tôn trọng giới cấm đều dùng để khuyến trợ đối với Nhất thiết trí đó là Ý lực. Quan sát thân hình như bóng, lời nói như tiếng vang, tâm như huyễn hóa, xét xem giới cấm mà không chỗ hành đó là Trí lực. Thành tựu nhẫn nhục, tin vào uy lực đó là Tín lực. Chỗ hành tinh tấn, chẳng theo các tướng, chẳng nói lời thô ác, nhằm gia tăng người theo đường tà, giả sử khiến chặt đứt chân tay, cắt rời thân thể, tích tụ sức nhẫn nhục chưa từng khởi tâm sân hận, tâm Từ hiện bày nhẫn nhục đó là Tinh tấn lực. Chỗ hành nhẫn nhục đem khuyến trợ đối với Nhất thiết trí đó là Ý lực. Không thân ý thức, chẳng thủ đắc thân tâm đó là Trí tuệ lực. Đạo là tinh tấn, chẳng phải là biếng nhác, tin vào điều này tâm ý vui thích làm, hưng thịnh niềm tin cùng cực đó là Tín lực. Thường hành tinh tấn chẳng bỏ phút giây nào, cũng không chấp trước, dùng để hóa độ chúng sinh, hộ trì chánh điển, gieo trồng mọi gốc đức, phụng sự chư Phật, cúng dường tùy thuận, đều vì tất cả chúng sinh, hoàn thành cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, vang danh tiếng đức, đó là Tinh tấn lực. Diệt trừ tất cả sân hận, biếng nhác, cấu bẩn của chúng sinh, mặc áo giáp đức tu tập tinh tấn, đem khuyến trợ đối với Nhất thiết trí đó là Ý lực. Nếu chẳng ân cần mong tưởng đến đạo, chẳng mất uy nghi,

phép tắc chân chánh, chọn lựa tinh tấn, chẳng thủ đắc tất cả xứ sở của các pháp, đó là Trí tuệ lực. Ưa thích nhàn cư chỗ vắng vẻ, chỗ yên tĩnh một mình, chẳng thích chỗ đông người để dấy khởi sự hân hoan đó là Tín lực. Nẻo hành tinh tấn, tu tập thiền định, hưng phát cửa Tam-muội, chánh thọ giải thoát đó là Tinh tấn lực. Do sự theo đuổi đạt đến thiền tư mà chẳng dao động đó là Ý lực. Ở nơi nhất tâm ấy quan sát về vô thường, khổ, không, phi thân (vô ngã) mà chẳng loạn thiền, chẳng khinh mạn thiền, chẳng thoái chuyển thiền, hiểu rõ phương tiện thiện xảo, trừ tính thích nghi, là phương tiện thiện quyền tăng tiến, dẫn dắt đến với trí lực. Nghe đến lãnh hội tất cả pháp đạo phẩm của các Độ vô cực nếu có thể tin, đây là Tín lực. Tất cả điều đã nghe luôn thâm giữ chẳng quên, có thể vì người khác theo phương tiện khen ngợi. Đối với pháp đó, nếu có thể tuân phụng hay chẳng tuân phụng, tự quan sát về gốc ngọn đó là Tinh tấn lực. Ở nơi chúng sinh mà tâm chẳng loạn, đi, hành trong ái dục mà như hoa sen, nhằm giáo hóa tất cả đó là Ý lực. Quan sát ba cõi đều không giống như bọt nước, cây chuối, dợn sóng, hình bóng, tiếng vang, huyễn hóa, mở bày điều chưa nghe đó là Trí lực. Đem lòng Từ bi lắng trong hướng đến chúng sinh, lòng nhân ái không đâu là không hiện bày khắp đó là Tín lực. Tin ở đại Bi, tâm đã hưng khởi chẳng để biếng nhác đó là Tinh tấn lực. Tâm ưa thích chánh điển chẳng bỏ niềm vui của pháp, thường nắm giữ, phụng hành đó là Ý lực. Tâm không chấp trước, chẳng độc hại, chẳng tạo nhị biên, không tiến, chẳng phải là không tiến, đạt được sự tinh quán, tu hành chánh pháp, đó là Trí tuệ lực. Suy nghĩ về thân người do vô số những xấu xa, cấu bẩn, hoang loạn họp lại, chẳng tồn tại lâu dài, sự cứng dướng ở đây không có lợi lạc, vì do tà hạnh, hiểu rõ như thế đó là Tín lực. Nếu chóng chìm trong hoạn nạn, thống khổ, mọi nỗi hại đều ập đến thì đây chính là nghĩa của sinh tử. Quan sát Phật pháp là Tinh tấn lực. Giả sử, tâm chuyển biến ở chỗ bất thiện mà chẳng nghe theo, cũng chẳng theo Thanh văn, Duyên giác, tâm lại chẳng theo tham dục, ganh ghét cũng chẳng theo hủy giới, trí ác đó là Ý lực. Nếu vào pháp tuệ, phân biệt tuệ cú, vào chốn trí tuệ, tuyên dương giải thoát của trí tuệ quá khứ, vị lai và hiện tại đó là Trí lực. Hân hoan là tướng của niềm tin, bất thoái là tướng của tinh tấn, quán là tướng của ý, hiểu rõ là tướng của trí. Hành nơi Tín lực, chẳng xả bỏ Tinh tấn lực, chẳng trái mất Ý lực, tu Trí tuệ lực, vì người giảng nói pháp, theo bệnh cho thuốc, hiểu rõ ngăn ngại đó là thuần tín. Qua khỏi các trở ngại, hành tinh tấn, không chỗ chấp trước, đó là Ý lực.

## LINH SON PHÁP BẢO ĐẠI TANG KINH

---

Xem xét, hiểu rõ sự ngăn ngại đó là trí tuệ. Ưa thích pháp Phật, dấy khởi thuần tín vì phát khởi tâm thuần tin là phát đạo ý, đó là Tín lực. Phụng tu mọi hạnh, tập hợp tích lũy pháp đạo phẩm đó là Tinh tấn lực. Đạt pháp nhãn Nhu thuận đó là Ý lực. Nếu chứng được pháp nhãn Vô sở tùng sinh đó là Trí lực. Tín căn là nhãn tức là trí lực. Giả sử chứng được pháp nhãn Vô sở tùng sinh thì đó Ý lực. Tín căn là Tín lực, Tấn căn là Tinh tấn lực, ý căn là Ý lực, Thiên tư là phục căn, đạt căn là cửa đại Thánh, không đâu là chẳng đến khắp, đó là Trí tuệ lực.

Khi Đức Phật giảng nói những điều này có tám ngàn vị Bồ-tát chứng được pháp nhãn Vô sở tùng sinh, bốn vạn hai ngàn người đều phát ý đạo Vô thượng Chánh chân.

